TÒA ÁNNHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH QUẢNG NAM *******	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ———————

Bản án số: 38/2024/HS-ST
Ngày: 16/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Huỳnh Trí Dũng
- Bà Nguyễn Thị Mừng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thực hành quyền công tố tại phiên tòa: ông Huỳnh Trung Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị S**; sinh ngày 02 tháng 02 năm 1966 tại thị xã B, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh ; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê X *(chết)* và bà Trần Thị S, hiện trú tại Khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; bị can là con duy nhất trong gia đình; chồng: Huỳnh Tấn Đ (chết), bị cáo có 02 đứa con, con lớn sinh năm 1984 và con nhỏ sinh năm 1994;

Tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 30/11/1998, bị TAND thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 17 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy";* chấp hành xong hình phạt ngày 04/9/2009; chưa chấp hành hình phạt bổ sung và án phí.
- Ngày 06/02/2018, bị TAND huyện N, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản";* chấp hành xong hình phạt ngày 05/10/2018.
- Ngày 15/11/2019, bị TAND quận L, thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"; c*hấp hành xong hình phạt ngày 08/10/2022.

Nhân thân:

- Ngày 24/8/2011, bị TAND thị xã Q, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản",* chấp hành xong hình phạt ngày 05/12/2011.
- Ngày 10/02/2015, bị Công an thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi *"Đánh bạc".*

Bị can bị bắt tạm giữ ngày 10/4/2024, chuyển tạm giam ngày 16/4/2024; hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Đ, *có mặt tại phiên tòa.*

- **Bị hại**: Ông **Huỳnh M**, sinh năm 1957

Địa chỉ: thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

Đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh M: Bà **Doãn Thị Mỹ V**, sinh năm 1991, địa chỉ: thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (*văn bản ủy quyền ngày 12/4/2024*)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn Phú Phước, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

2. Ông **Võ Thành D**, sinh năm 1975

Địa chỉ: khối phố Mỹ Hòa, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam

3. Ông **Huỳnh Tấn H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam

(Bà V và bà H có mặt, ông D có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 09/4/2024, Lê Thị S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92B1-327.11 (*của con trai là Huỳnh Tấn H*) đi từ thành phố T đến xã M, huyện Đ để mua dưa hấu về bán lại. Khoảng 09 giờ 50 phút cùng ngày, S đến thôn T, xã M thì phát hiện tiệm vàng L của ông Huỳnh M nên nảy sinh ý định trộm cắp. S dựng xe gần hiệu vàng rồi đi bộ vào trong thì gặp nhân viên bán hàng là chị Phạm Thị H. S giả vờ hỏi mua dây chuyền vàng và S nhiều lần yêu cầu chị H lấy các sợi dây chuyền vàng trong tủ ra cho S xem, mục đích là để chị H phân tâm. Đến khi chị H lấy sợi dây chuyền thứ 4 cho S xem thì S để sợi dây chuyền xuống mặt tủ kính, dùng cổ tay trái che lại. Đồng thời, S chỉ chị H lấy ra thêm 01 sợi dây chuyền nữa để xem và hỏi giá sợi dây chuyền thứ 5 mà chị H vừa lấy ra, chị H báo giá 11.000.000 đồng thì S nói không đủ tiền, hẹn lát sau quay lại. Lúc này, S quan sát thấy chị H cất sợi dây chuyền thứ 5 vào tủ và đi vào trong thì S lén lút lấy sợi dây chuyền mà S đã che lại rồi đi ra điều khiển xe mô tô đi đến hiệu vàng Kim Thành Danh ở khối phố H, thị trấn N, huyện D bán sợi dây chuyền vàng vừa trộm được với số tiền 15.010.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất sợi dây chuyền vàng chủ tiệm vàng đã báo Công an. Qua trích xuất camera Công an đã mời S đến làm việc, S thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản tại tiệm vàng L vào ngày 09/4/2024 và giao nộp số tiền 15.010.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 16/KLĐG-HĐĐGTS ngày 16/4/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: *"01 sợi dây chuyền vàng tây, dạng móc xích, loại vàng 610; trọng lượng 03 chỉ 6 phân 7 ly có giá trị là 18.136.000 đồng"*.

** Vật chứng của vụ án:*

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 15.010.000 đồng; 01 sợi dây bằng kim loại, màu vàng, có dạng mắc xích; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại AIR BLADE, màu đen, biển kiểm soát 92B1-327.11 *(đã trả lại cho các chủ sở hữu).*

- 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương; 01 đôi dép màu trắng; 01 áo khoác màu xanh; 01 bộ quần áo màu vàng *(đã được niêm phong và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).*

Về dân sự: ông Huỳnh M đã nhận lại sợi dây chuyền, ông Võ Thành D đã nhận lại số tiền 15.010.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 25/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lê Thị S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giữ nguyên quan điểm truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử kết tội đối với bị cáo S và

áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo Lê Thị S từ 03 (*Ba*) năm đến 04 (*Bốn*) năm tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị S đã thành khẩn khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 09/4/2024, Lê Thị S nảy sinh ý định trộm cắp để lấy tiền tiêu xài nên S đến hiệu vàng L thuộc thôn T, xã M, huyện Đ vờ hỏi mua vàng. Lợi dụng sơ sở của chị Phạm Thị H là nhân viên bán vàng, S lén lút cất giấu 01 sợi dây chuyền vàng tây *(dạng móc xích, loại vàng 610, trọng lượng 03 chỉ 06 phân 07 ly)* do chị H đưa cho S xem rồi mang đến hiệu vàng K tại thị trấn N, huyện D bán cho ông Võ Thành D lấy số tiền 15.010.000 đồng. Bị cáo S đã giao nộp lại số tiền bán vàng cho cơ quan điển tra và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại hồ sơ vụ án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về diễn biến vụ trộm cắp tài sản do bị cáo S thực hiện như nội dung lời khai của bị cáo đã được mô tả tại cáo trạng. Bị hại Huỳnh M đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*:

[1.1] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình mà đã được Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phổ biến về quyền, nghĩa vụ của mình trong từng giai đoạn tố tụng và tự khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Tấn H, Võ Thành D vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đảm bảo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Về tội danh và định khung hình phạt*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, vật chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định được: Khoảng 10 giờ ngày 09/4/2024, Lê Thị S đến hiệu vàng Long Quân thuộc thôn T, xã M, huyện Đ (*do ông Huỳnh M làm chủ sở hữu*) để trộm cắp tài sản. Lợi dụng sơ hở của nhân viên bán vàng, S lén lút trộm cắp 01 sợi dây chuyền vàng tây *(dạng móc xích, loại vàng 610, trọng lượng 03 chỉ 06 phân 07 ly có giá trị 18.136.000 đồng*) rồi mang đến hiệu vàng Kim Thành Danh tại thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên bán cho ông Võ Thành D lấy số tiền 15.010.000 đồng.

Lê Thị S là người trưởng thành, có hiểu biết pháp luật, bị cáo nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Nhưng với động cơ vụ lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, lén lút trộm cắp tài sản

của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của bị hại, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn huyện Đ.

Bị cáo Lê Thị S đã có 03 tiền án, trong đó tại bản án số 132/2019/HSST ngày 15/11/2019 của TAND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo S 02 năm 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* với tình tiết định khung "*tái phạm nguy hiểm*", bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 08/10/2022, đến ngày 09/4/2024 chưa được xoá án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thị S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy*: Sau khi chấp hành án phạt tù trở về, bị cáo S không ăn năn hối cải mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp với cùng thủ đoạn, cách thức trộm cắp bị cáo đã nhiều lần thực hiện trước đó (*đã bị xét xử năm 2018 và năm 2019*). Hành vi của bị cáo thể hiện tính liều lĩnh, bất chấp pháp luật, do đó cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc nhằm để răn đe bị cáo và ngăn ngừa tội phạm.

[2.3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- *Về tình tiết tăng nặng:* Không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội; tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho bị hại, số tiền bị cáo bán vàng cũng đã được bị cáo giao nộp cho cơ quan điều tra trả lại cho ông Võ Thành D. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại hồ sơ vụ án bị hại Huỳnh M và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thành D khai đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] *Về vật chứng:* Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, xét thấy:

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 15.010.000 đồng; 01 sợi dây bằng kim loại, màu vàng, có dạng mắc xích; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại AIR BLADE, màu đen, biển kiểm soát 92B1-327.11: Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

- 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương; 01 đôi dép màu trắng; 01 áo khoác màu xanh; 01 bộ quần áo màu vàng hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[5] *Về vác vấn đề khác trong vụ án:*

Ông Huỳnh Tấn H *(con ruột bị cáo S)* không biết việc bị cáo Lê Thị S sử dụng xe mô tô nhãn hiệu AriBlade, biển kiểm soát 92B1-327.11 thuộc sở hữu của ông Hùng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ trao trả chiếc xe trên cho ông Hùng là phù hợp.

[6] *Về án phí:* Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Điều 106, 136 Bộ

luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị S phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**

3. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị S **03 (*Ba*)** năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ: ngày 10/4/2024.

4. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương; 01 đôi dép màu trắng; 01 áo khoác màu xanh; 01 bộ quần áo màu vàng hiện không còn giá trị sử dụng (*Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý*).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị S phải chịu **200.000** (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Q.Nam
- VKSND H. Đ
- Công an H. Đ
- Chi cục THADS H.Đ
- Bị cáo, Bị hại, NLQ
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Ái Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Linh

TÒA ÁNNHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH QUẢNG NAM *******	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ———————————
Số: 38/TB-TA	**Đ, ngày 16 tháng 7 năm 2024**

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT XỬ SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Căn cứ vào Điều 262 Bộ luật tố tụng hình sự.

Thông báo cho: UBND phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam

Biết là ngày 16/7/2024, TAND huyện Đ đã mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị S**; sinh ngày 02 tháng 02 năm 1966 tại thị xã B, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị S phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**

3. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị S **03 (*Ba*)** năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ: ngày 10/4/2024.

4. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương; 01 đôi dép màu trắng; 01 áo khoác màu xanh; 01 bộ quần áo màu vàng hiện không còn giá trị sử dụng (*Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý*).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị S phải chịu **200.000** (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ái Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Linh